

Bộ, tỉnh: Tỉnh Tiền Giang
Cơ quan quản lý cấp trên: Sở Y tế tỉnh Tiền Giang
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trung tâm Y tế Thành phố Mỹ Tho
Mã đơn vị: 1025857
Loại hình đơn vị: Khóit sự nghiệp

Mẫu số 09d-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG

Năm 2024

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác						
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
I	Đất															
II	Nhà															
III	Xe ô tô															
IV	Tài sản cố định khác															
1	Máy vi tính FPT Elead (P7)									x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
2	AMPLI YAMACHI (DS)									x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
3	Amply Nanomax 900i (TL)			3.000						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
4	Bàn Buro cầm xe, ván gỗ đỏ, xương ván thao lao sơn PU cô trụ (Phó giám đốc BS Nga)									x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
5	BÀN BURRO CẦM XE, VÁN GỖ ĐỎ, XƯƠNG VÁN THAO LAO SƠN PU CÔ TRỤ TRÒN (DS)									x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
6	Bàn dài chữ nhật cán thuốc nam gỗ thao lao (76 x 120 x 240) (TL)			4.800						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền							Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)					Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác	Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Tổng cộng						
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác									Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17		
7	Bàn hợp bỏ ruột, gỗ vecer soạn đảo		9.600							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC							
8	BÀN HỢP HỘI TRƯỞNG (0,78M*2M*0,4M)GỖ THAO LAO, SƠN PU (TỎ LAO) 1		5.500	1.100						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC							
9	BÀN HỢP HỘI TRƯỞNG (0,78M*2M*0,4M)GỖ THAO LAO, SƠN PU (TỎ LAO) 10		5.500	1.100						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC							
10	BÀN HỢP HỘI TRƯỞNG (0,78M*2M*0,4M)GỖ THAO LAO, SƠN PU (TỎ LAO) 2		5.500	1.100						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC							
11	BÀN HỢP HỘI TRƯỞNG (0,78M*2M*0,4M)GỖ THAO LAO, SƠN PU (TỎ LAO) 3		5.500	1.100						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC							
12	BÀN HỢP HỘI TRƯỞNG (0,78M*2M*0,4M)GỖ THAO LAO, SƠN PU (TỎ LAO) 4		5.500	1.100						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC							
13	BÀN HỢP HỘI TRƯỞNG (0,78M*2M*0,4M)GỖ THAO LAO, SƠN PU (TỎ LAO) 5		5.500	1.100						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC							
14	BÀN HỢP HỘI TRƯỞNG (0,78M*2M*0,4M)GỖ THAO LAO, SƠN PU (TỎ LAO) 6		5.500	1.100						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC							
15	BÀN HỢP HỘI TRƯỞNG (0,78M*2M*0,4M)GỖ THAO LAO, SƠN PU (TỎ LAO) 7		5.500	1.100						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC							
16	BÀN HỢP HỘI TRƯỞNG (0,78M*2M*0,4M)GỖ THAO LAO, SƠN PU (TỎ LAO) 8		5.500	1.100						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC							
17	BÀN HỢP HỘI TRƯỞNG (0,78M*2M*0,4M)GỖ THAO LAO, SƠN PU (TỎ LAO) 9		5.500	1.100						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC							
18	Bàn hợp Oval (P3)		7.000							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC							

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Ngành đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Ngành đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác						
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
19	Bàn làm việc (P1)		6.500	3.900						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
20	Bàn làm việc (P1)		6.500	3.900						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
21	BÀN LÀM VIỆC 02 THÙNG (0,78M*0,70M*1,4M)GỖ THAO LAO, SON PU CỎ KIẾNG 8LY(P.GIÁM ĐỐC)		7.500	1.500						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
22	BÀN LÀM VIỆC 02 THÙNG (0,78M*0,70M*1,4M)GỖ THAO LAO, SON PU CỎ KIẾNG 8LY(TỎ LAO)		7.500	1.500						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
23	Bàn làm việc 2 thùng (MP)		5.600							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
24	Bàn làm việc 2 thùng (MP)		5.600							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
25	Bàn làm việc 2 thùng (MP)		5.600							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
26	Bàn làm việc 2 thùng (MP)		5.600							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
27	Bàn làm việc 2 thùng (MP)		5.600							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
28	Bàn làm việc 2 thùng (MP)		5.600							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
29	Bàn làm việc 2 thùng (MP)		5.600							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền							Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác	Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
1	2	3	4												5	6
30	Bàn làm việc 2 thùng (MP)		5.600							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
31	Bàn làm việc 2 thùng (P7)		5.600							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
32	Bàn làm việc 2 thùng (P7)		5.600							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
33	Bàn làm việc 2 thùng (P7)		5.600							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
34	Bàn làm việc 2 thùng (P7)		5.600							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
35	Bàn làm việc gỗ thao lao (120 x 60 x 75) (P6)		7.135							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
36	Bàn làm việc gỗ thao lao (120 x 60 x 75) (P6)		7.135							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
37	Bàn làm việc gỗ thao lao (120 x 60 x 75) (P6)		7.135							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
38	Bàn làm việc gỗ thao lao (120 x 60 x 75) (P6)		7.135							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
39	Bàn làm việc gỗ thao lao (120 x 60 x 75) (P6)		7.135							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
40	Bàn làm việc gỗ thao lao (120 x 60 x 75) (P6)		7.135							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
41	Bàn làm việc gỗ thao lao (120 x 60 x 75) (P6)		7.135							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác						
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
42	Bàn làm việc gỗ thao lao (120 x 60 x 75) (P6)									x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
43	Bàn làm việc gỗ thao lao (120 x 60 x 75) (P6)									x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
44	Bàn làm việc gỗ thao lao (120 x 60 x 75) (P6)									x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
45	Bàn làm việc gỗ thao lao (78 x 60 x 120) (TL)									x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
46	Bàn làm việc gỗ thao lao (78 x 60 x 120) (TL)									x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
47	Bàn làm việc gỗ thao lao (78 x 60 x 120) (TL)									x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
48	Bàn làm việc gỗ thao lao (78 x 60 x 120) (TL)									x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
49	Bàn làm việc gỗ thao lao (78 x 60 x 120) (TL)									x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
50	Bàn làm việc gỗ thao lao (78 x 60 x 120) (TL)									x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
51	Bàn sưởi em bé mới sinh (KS)									x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
52	Bàn vi tính gỗ đỏ TL sơn PU (P. DS)									x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
53	Băng ghế chờ 5 chỗ (TL)									x	Ghi giám tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền							Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác	Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
1	2	3	4												5	6
54	Băng ghế chờ 5 chỗ (TL)			5.000	3.000						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC				
55	Băng ghế chờ 5 chỗ (TL)			5.000	3.000						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC				
56	Băng ghế chờ 5 chỗ (TL)			5.000	3.000						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC				
57	Băng ghế chờ 5 chỗ (TL)			5.000	3.000						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC				
58	Băng ghế chờ 5 chỗ (TL)			5.000	3.000						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC				
59	BẢNG GHÉ NGỒI CHỖ 5 CHỖ SẮT SON TÍNH ĐIỆN (TỎ LAO)			5.900	1.180						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC				
60	BẢNG GHÉ NGỒI CHỖ 5 CHỖ SẮT SON TÍNH ĐIỆN (TỎ LAO)10			5.900	1.180						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC				
61	BẢNG GHÉ NGỒI CHỖ 5 CHỖ SẮT SON TÍNH ĐIỆN (TỎ LAO)2			5.900	1.180						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC				
62	BẢNG GHÉ NGỒI CHỖ 5 CHỖ SẮT SON TÍNH ĐIỆN (TỎ LAO)3			5.900	1.180						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC				
63	BẢNG GHÉ NGỒI CHỖ 5 CHỖ SẮT SON TÍNH ĐIỆN (TỎ LAO)4			5.900	1.180						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC				
64	BẢNG GHÉ NGỒI CHỖ 5 CHỖ SẮT SON TÍNH ĐIỆN (TỎ LAO)5			5.900	1.180						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC				
65	BẢNG GHÉ NGỒI CHỖ 5 CHỖ SẮT SON TÍNH ĐIỆN (TỎ LAO)6			5.900	1.180						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC				

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác						
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
66	BẢNG GHẾ NGỒI CHỖ 5 CHỖ SẮT SƠN TỈNH ĐIỆN (TỎ LAO)7		5.900	1.180						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
67	BẢNG GHẾ NGỒI CHỖ 5 CHỖ SẮT SƠN TỈNH ĐIỆN (TỎ LAO)8		5.900	1.180						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
68	BẢNG GHẾ NGỒI CHỖ 5 CHỖ SẮT SƠN TỈNH ĐIỆN (TỎ LAO)9		5.900	1.180						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
69	Bình nước uống nóng lạnh Kangaroo (KBCC)		6.800							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
70	Bộ bàn ghế phù ếp xoan đào (P. DS)		7.000							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
71	Bộ Castle Ampli Dĩa DVD KVH HN 500 (P. DS)		11.000				x				Bán					
72	BỘ ĐẶT NỘI KHÍ QUẢN ANH SANG LẠNH (KBCC)		6.000	1.200						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
73	BỘ ĐÈN ĐẶT NỘI KHÍ QUẢN THƯỜNG (KBCC)		9.700	9.700						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
74	Bộ đồ khám lưu động (P8)		9.700	1.940						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
75	Bộ máy vi tính FPT Elead		8.640							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
76	Bộ ngũ quan		7.619							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
77	Bộ ngũ quan (P10)		7.619							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền							Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác	Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
78	Bộ ngũ quan (P6)		7.619							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
79	Bộ ngũ quan (P7)		7.619							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
80	Bộ ngũ quan (P8)		7.619							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
81	Bộ ngũ quan (P9)		7.619							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
82	Bộ ngũ quan Code 01-100 (P2)		9.691							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
83	Bộ ngũ quan Riester (P2)		7.619							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
84	Bộ ngũ quan Riester (P5)		7.619							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
85	Bộ phương tiện truyền thông (1 amply, 2 loa nén, 2 loa cột, 1 micro coa dây) (TT)		6.870							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
86	Bục để tượng Bác gỗ thao lao (130 x 56 x 56) (MP)		5.000							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
87	Bạt thuyết trình gỗ thao lao + son đảo		5.800							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
88	CÁP ĐIỆN CỤC DÙNG CHO MÁY ĐIỆN XUNG STIM 2777 (YHCT)		7.000	1.400						x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
89	Casset Shap (TT)		5.769							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác						
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
90	Cassett Sharp Micro (P5)		5.769							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
91	Cassett Shap micro		5.769							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
92	Cassett Shap Micro (P3)		5.769							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
93	Cassett Shap+micro		5.769							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
94	Cassett Sharp + Micro		5.769							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
95	Cassett Sharp Micro (P10)		5.769							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
96	Cassett Sharp Micro (P4)		5.769							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
97	Cassett Sharp micro (P6)		5.769							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
98	Cassett Sharp Micro (P8)		5.769							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
99	Cassett Sharp micro (P9)		5.769							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
100	Cassett Sharp micro (PT)		5.769							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
101	Cassett Sharp micro (TA)		5.769							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
1	2	3	4								5				6	7
102	Cassett Sharp Micro (TL)		5.769							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
103	Cassett Sharp micro (TS)		5.769							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
104	ĐÈN ĐỌC FILM X-QUANG NHỎ (LOẠI 01 FILM) (BVDC SỐ 5)		9.640	3.856						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
105	ĐÈN ĐỌC FILM X-QUANG NHỎ (LOẠI 01 FILM) (BVDC SỐ 5)		9.640	3.856						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
106	Hệ thống Camera (KSDB)		8.482							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
107	Hệ thống cấp quang phần mềm KCB		7.333							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
108	HỘP ĐÈN BIẾN BÁO CẤP CỨU 0,8*0,6 (TCHC)		5.258	1.052						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
109	Kệ hồ sơ (200 x 160 x 40) (MP)		7.000							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
110	Kệ hồ sơ (200 x 160 x 40) (MP)		7.000							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
111	Kệ hồ sơ (200 x 160 x 40) (MP)		7.000							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
112	Kệ hồ sơ (200 x 160 x 40) (MP)		7.000							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
113	Kệ hồ sơ (200 x 160 x 40) (MP)		7.000							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác						
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
114	Kệ hồ sơ (200 x 160 x 40) (MP)		7.000							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
115	Kệ hồ sơ (200 x 160 x 40) (MP)		7.000							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
116	Kệ hồ sơ (200 x 160 x 40) (P7)		7.000							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
117	Kệ hồ sơ (200 x 160 x 40) (P7)		7.000							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
118	Kệ hồ sơ (200 x 160 x 40) (P7)		7.000							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
119	Kệ hồ sơ (200 x 160 x 40) (P7)		7.000							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
120	Kệ hồ sơ (200 x 160 x 40) (P7)		7.000							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
121	Kệ hồ sơ (200 x 160 x 40) (P7)		7.000							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
122	Kệ hồ sơ gỗ thao lao son đào kính lũa		5.500							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
123	Kệ hồ sơ gỗ thao lao son đào kính lũa		5.500							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
124	Kính hiển vi 2 mắt - Olympus CH20 (XN)		13.500				x				Bán					
125	Loa di động Nanomax 500w (TL)		7.000	4.200						x	Ghi giám tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền							Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác	Tổng cộng		Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ			
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác														
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
126	LƯỚI ĐÈN ĐẶT NỘI KHÍ QUẢN (KBCC)		9.800	9.800						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
127	Máy ảnh Sony (TL)		8.000	4.800						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
128	Máy chụp Xquang răng Space Maker		5.000							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
129	Máy đo bộ bảo hòa oxy loại để bàn		32.087				x				Bán						
130	Máy đo điện tâm đồ 3 cần Kenz Cardio 306 (P10)		38.000	7.125			x				Bán						
131	Máy đo điện tim 1 cần Cardi (P4)		14.985				x				Bán						
132	Máy đo điện tim 3 cần Cardio 306		38.000				x				Bán						
133	Máy đo điện tim 3 kênh Cardio Care 2000 (P6)		32.500				x				Bán						
134	Máy đốt cổ tử cung		16.000				x				Bán						
135	Máy giặt Aqua (TCHC)		5.400							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
136	Máy hút đàm nhớt - Regulator DF 506B		7.839							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
137	Máy in Brother HL-L5100DN		6.974							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
138	Máy in Brother HL-L5100DN		6.974							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
139	Máy in Brother HL-L5100DN (P1)		6.974							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác						
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
140	Máy in Brother HL-L5100DN (P10)		6.974							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
141	Máy in Brother HL-L5100DN (P2)		6.974							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
142	Máy in Brother HL-L5100DN (P3)		6.974							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
143	Máy in Brother HL-L5100DN (P4)		6.974							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
144	Máy in Brother HL-L5100DN (P5)		6.974							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
145	Máy in Brother HL-L5100DN (P7)		6.974							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
146	Máy in Brother HL-L5100DN (P8)		6.974							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
147	Máy in Brother HL-L5100DN (P9)		6.974							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
148	Máy in Brother HL-L5100DN (PT)		6.974							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
149	Máy in Brother HL-L5100DN (TA)		6.974							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
150	Máy in Brother HL-L5100DN (TL)		6.974							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
151	Máy in Brother HL-L5100DN (TMC)		6.974							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền							Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác	Tổng cộng		Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ			
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác														
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
152	Máy in Brother HL-L5100DN (TS)		6.974							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
153	Máy in Canon 2900 (MP)		5.960							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
154	Máy in của máy siêu âm khoa sản		16.000				x				Bán						
155	MÁY IN HP (TCHC)		5.480							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
156	Máy in HP 402D đảo (P. DS)		6.180							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
157	Máy in HP Laser Pro M201N (MP)		5.000							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
158	Máy in HP Laser Pro M201N (MP)		5.000							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
159	Máy in HP Laser Pro M201N (P7)		5.000							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
160	Máy in HP Laser Pro M201N (P7)		5.000							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
161	Máy in HP Laser Pro M201N (P7)		5.000							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
162	Máy in HP Pro400-M401DN		5.999							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
163	Máy in HP Pro400-M401DN		5.999							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác						
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
164	Máy in HP Pro400-M401DN		5.999							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
165	Máy in HP Pro400-M401DN (KSDB)		5.999							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
166	Máy in HP Pro400-M401DN (KSDB)		5.999							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
167	Máy in HP Pro400-M401DN (KSDB)		5.999							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
168	Máy in HP Pro400-M401DN (P TTGDSK CHUYÊN KHITH)		5.999							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
169	MÁY IN LASER HP M404DN (BVDC SỐ 5)		6.100	2.440						x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
170	MÁY IN LASER HP M404DN (BVDC SỐ 5) 2		6.100	2.440						x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
171	MÁY IN LASER HP M404DN (BVDC SỐ 5) 3		6.100	2.440						x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
172	Máy in phun HP Pro 400		7.790							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
173	Máy lạnh (KSDB)		8.200							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
174	Máy lạnh LG		8.100							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
175	Máy lạnh LG		8.500							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền							Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác	Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
1	2	3	4												5	6
176	Máy lạnh LG		8.500							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
177	Máy lạnh LG		8.500							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
178	Máy lạnh LG		8.500							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
179	Máy lạnh LG		8.500							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
180	Máy lạnh LG		8.500							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
181	Máy lạnh LG - V10ENW (P1)		8.892							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
182	Máy lạnh LG (P.BS Nga chuyển K.Dược)		8.500							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
183	Máy lạnh LG (P2)		8.892							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
184	Máy lạnh LG (P3)		8.892							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
185	Máy lạnh LG (P4)		8.892							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
186	Máy lạnh LG (V10ENW) (P.BS TRÀNG)		8.892							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
187	Máy lạnh LG (V10ENW) (TCHC)		8.892							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác						
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
188	Máy lạnh LG 1,5		8.500							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
189	Máy lạnh LG 1.5		8.500							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
190	Máy lạnh LG 1.5		8.100							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
191	Máy lạnh LG 1.5		8.500							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
192	Máy lạnh LG 1.5 (PGĐ CHUYỂN KHOA DUỘC 2020)		8.500							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
193	Máy lạnh LG V10ENW (P10)		8.892							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
194	Máy lạnh LG V10ENW (P8)		8.892							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
195	Máy lạnh LG V10ENW (P9)		8.892							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
196	Máy lạnh LG V10ENW (PT)		8.892							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
197	Máy lạnh LG V10ENW (TA)		8.892							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
198	Máy lạnh LG V10ENW (TL)		8.892							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
199	Máy lạnh LG V10ENW (TMC)		8.892							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền							Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác	Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
200	MÁY LẠNH PANASONIC N18TKH-8-SỐ XD ĐÃ SỬ DỤNG NĂM 2018 (KHOA SẢN-P.HC)		9.700	3.880						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
201	MÁY LẠNH PANASONIC PU9TKH-8-SỐ XD ĐÃ SỬ DỤNG NĂM 2018 (KHOA NỘI NHỊ NHIỆM-PK 29)		9.700	3.880						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
202	Máy nước uống nóng lạnh Kangaroo (KN)		6.800							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
203	Máy phun UL V đeo vai - 03S65NS(P2)		24.850	13.916			x				Bán					
204	Máy phun xịt hóa chất diệt vại - 369002921 (P2)		24.850	13.916			x				Bán					
205	Máy quét mã vạch 2D Defi C85 (KBCC)		5.544							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
206	Máy siêu âm đen trắng 2 đầu dò Concet MC		252.345				x				Bán					
207	Máy sinh hóa tự động hoàn toàn Saturno 180 (màn hình samsung 17in + bàn phím, chuột + UPS bộ lưu điện 1KVA + máy in laser trắng đen LBP 2900)		568.050	106.509			x				Bán					
208	Máy vi tính ((TCHC))		9.779							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
209	Máy vi tính (P. DS)		9.500							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
210	Máy vi tính (P. DS)		9.500							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
211	Máy vi tính (P10)		9.300							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác						
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
212	Máy vi tính (P2)		9.100							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
213	Máy vi tính (P5)		8.000							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
214	Máy vi tính (P5)		9.100							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
215	Máy vi tính Acer		16.490				x				Bán					
216	MÁY VI TÍNH AOC (P.DS CHUYỂN P. TCHC)		9.121							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
217	MÁY VI TÍNH AOC (P.TCKT)		9.121							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
218	MÁY VI TÍNH BÀN PC DELL VOSTRO 3471 ST (TỎ LAO)		9.829	1.966						x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
219	Máy vi tính CMS		8.488							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
220	Máy vi tính CMS (P1)		8.488							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
221	Máy vi tính CMS (P7)		9.880							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
222	Máy vi tính CMS (PT)		8.488							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
223	Máy vi tính Dell		7.200							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền							Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác	Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguyên ngân sách	Nguyên khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
224	Máy vi tính FPR Ellead (TMC)		9.880							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
225	Máy vi tính FPT		8.066							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
226	Máy vi tính FPT (KSDB)		8.066							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
227	Máy vi tính FPT (KSDB)		8.066							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
228	Máy vi tính FPT (P1)		10.300				x				Bán					
229	Máy vi tính FPT (P6)		9.000							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
230	Máy vi tính FPT (P8)		9.450							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
231	Máy vi tính FPT (PT)		9.100							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
232	Máy vi tính FPT (PT)		9.500							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
233	Máy vi tính FPT (TCKT)		9.990							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
234	Máy vi tính FPT (TS)		9.500							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
235	Máy vi tính FPT Ellead		9.880							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
236	Máy vi tính FPT Ellead		10.770				x				Bán					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác						
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
237	Máy vi tính FPT Elead (Bs Nga chuyển phòng KHTH)		10.770				x				Bán					
238	Máy vi tính FPT Elead (MP)		9.700							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
239	Máy vi tính FPT Elead (MP)		9.700							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
240	Máy vi tính FPT Elead (MP)		9.700							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
241	Máy vi tính FPT Elead (MP)		9.880							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
242	Máy vi tính FPT Elead (P1)		9.880							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
243	Máy vi tính FPT Elead (P10)		9.880							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
244	Máy vi tính FPT Elead (P2)		9.880							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
245	Máy vi tính FPT Elead (P2)		9.880							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
246	Máy vi tính FPT Elead (P3)		9.880							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
247	Máy vi tính FPT Elead (P5)		9.880							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
248	Máy vi tính FPT Elead (P6)		9.880							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền							Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)				Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác	Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ			
1	2	3	4												5	6	7
249	Máy vi tính FPT Elead (P7)		9.700							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
250	Máy vi tính FPT Elead (P7)		9.700							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
251	Máy vi tính FPT Elead (P8)		9.880							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
252	Máy vi tính FPT Elead (P9)		9.880							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
253	Máy vi tính FPT Elead (Phòng truyền thông chuyên phòng KHTH)		8.066							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
254	Máy vi tính FPT Elead (PT)		9.880							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
255	Máy vi tính FPT Elead (TA)		9.880							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
256	Máy vi tính FPT Elead (TL)		9.880							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
257	Máy vi tính FPT Elead (TS)		9.880							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
258	Máy vi tính FPT(KBCC)		8.066							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
259	Máy vi tính HP Compaq (PT)		8.730							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
260	Máy vi tính Led		6.500							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác						
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
261	Máy vi tính LG			6.800							x	Ghi giám tài sản thành CCDC				
262	Máy vi tính LG			9.300							x	Ghi giám tài sản thành CCDC				
263	Máy vi tính LG			11.900			x					Bán				
264	Máy vi tính LG			11.600			x					Bán				
265	Máy vi tính LG (P3)			9.300							x	Ghi giám tài sản thành CCDC				
266	Máy vi tính LG (TA)			9.100							x	Ghi giám tài sản thành CCDC				
267	Máy vi tính LG (TL)			9.100							x	Ghi giám tài sản thành CCDC				
268	Máy vi tính MCS (P10)			8.488							x	Ghi giám tài sản thành CCDC				
269	Máy vi tính MCS (P8)			8.488							x	Ghi giám tài sản thành CCDC				
270	Máy vi tính MCS (TL)			9.450							x	Ghi giám tài sản thành CCDC				
271	Máy vi tính Samsung			8.179							x	Ghi giám tài sản thành CCDC				
272	Máy vi tính Samsung			8.179							x	Ghi giám tài sản thành CCDC				
273	Máy vi tính Samsung			8.390							x	Ghi giám tài sản thành CCDC				

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền							Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác	Tổng cộng		Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ			
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác														
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
274	Máy vi tính Samsung		8.400							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
275	Máy vi tính Samsung		8.179							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
276	Máy vi tính Samsung		8.179							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
277	Máy vi tính Samsung		8.179							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
278	Máy vi tính Samsung		8.179							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
279	Máy vi tính Samsung		9.690							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
280	Máy vi tính Samsung		8.179							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
281	Máy vi tính Samsung		8.179							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
282	Máy vi tính Samsung		8.179							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
283	Máy vi tính Samsung		9.690							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
284	Máy vi tính Samsung		8.179							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
285	Máy vi tính Samsung		8.179							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác						
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
286	Máy vi tính Samsung			8.700						x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
287	Máy vi tính Samsung			8.400						x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
288	Máy vi tính Samsung			9.690						x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
289	Máy vi tính Samsung			9.690						x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
290	Máy vi tính Samsung			9.690						x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
291	Máy vi tính Samsung			8.179						x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
292	Máy vi tính Samsung			9.690						x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
293	Máy vi tính Samsung			6.608						x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
294	Máy vi tính Samsung			9.100						x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
295	Máy vi tính Samsung (DL)			8.350						x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
296	Máy vi tính Samsung (P1)			9.500						x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
297	Máy vi tính Samsung (P2)			9.500						x	Ghi giám tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền							Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác	Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
298	Máy vi tính Samsung (P6)		9.000							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
299	Máy vi tính Samsung (P6)		9.000							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
300	Máy vi tính Samsung (P6)		9.000							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
301	Máy vi tính Samsung (P6)		9.500							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
302	Máy vi tính Samsung (P6)		9.000							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
303	Máy vi tính Samsung (P7)		9.500							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
304	Máy vi tính Samsung (P8)		7.200							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
305	Máy vi tính Samsung (TA)		7.700							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
306	Máy vi tính Samsung (TA)		9.500							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
307	Máy vi tính Samsung (TC)		8.400							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
308	Máy vi tính Samsung (TL)		8.488							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
309	Máy vi tính Samsung (TMC)		9.100							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác						
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
310	Máy vi tính Samsung (TS)		9.100							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
311	Máy vi tính USUS H81 (P3)		8.280							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
312	Máy vi tính VTB		10.370				x				Bán					
313	MÁY VI TÍNH VTB (P.DS)		9.152							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
314	MÁY VI TÍNH VTB (P.DS)		9.152							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
315	Máy vi tính VTB (TA)		10.370				x				Bán					
316	Máy vi tính VTB (TCHC)		10.370				x				Bán					
317	Máy vi tính VTB (TMC)		10.370				x				Bán					
318	Nồi hấp ướt Tpmv (XNDP)		12.300				x				Bán					
319	Phần mềm quản lý tài sản		5.000							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
320	Pipetteman tự động (rút máu XN) Biohit Midi Plus (XNDP)		8.328							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
321	Pipetteman tự động (rút máu XN) Biohit Midi Plus (XNDP)		8.328							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
322	Quầy được 2 tầng 6 kiếng lùa cây		7.000							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
323	THÙNG CPU INTEL (ĐẠO THẠNH)		6.500							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)				Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)				Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác	Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Tổng cộng	Chưa nộp tài khoản tạm giữ				
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác										Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
324	Thùng CPU máy vi tính (TL)		7.450							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
325	Tivi 32 inch (TN)		6.500							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
326	Tivi LCD 32 inch Sony 32R300C (P7)		7.000							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
327	Tivi LG 27inch		5.600							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
328	Tivi Sony 32 inch (P2)		7.000							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
329	Tivi Sony 32 inch (P3)		6.400							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
330	Tivi Sony inches 32R300C (P6)		7.062							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
331	Tủ đựng dụng cụ (160 x 80 x 40) (P6)		9.500							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
332	Tủ đựng dụng cụ (160 x 80 x 40) (P6)		9.500							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
333	TỦ DỪNG HỒ SƠ SỐ 03 MẶT KIỀNG (KIỀNG 04LY 1,75M*1,2M*0,45M) GỖ THAO LAO SƠN PU (TỜ LAO) 1		7.000	1.400						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
334	TỦ DỪNG HỒ SƠ SỐ 03 MẶT KIỀNG (KIỀNG 04LY 1,75M*1,2M*0,45M) GỖ THAO LAO SƠN PU (TỜ LAO) 2		7.000	1.400						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)				Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền					Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại		Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1	2															
335	TỦ ĐUNG HỒ SƠ 03 MẶT KIẾNG (KIẾNG 04LY 1,75M*1,2M*0,45M) GỖ THAO LAO SƠN PU (TỎ LAO) 3		7.000	1.400						x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
336	TỦ ĐUNG HỒ SƠ 03 MẶT KIẾNG (KIẾNG 04LY 1,75M*1,2M*0,45M) GỖ THAO LAO SƠN PU (TỎ LAO) 4		7.000	1.400						x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
337	Tủ đựng hồ sơ gỗ + kiếng (P1)		7.500	4.500						x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
338	Tủ đựng hồ sơ gỗ thao lao (45 x 130 x 180) (TL)		7.500	4.500						x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
339	Tủ đựng hồ sơ gỗ thao lao (45 x 130 x 180) (TL)		7.500	4.500						x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
340	Tủ đựng hồ sơ gỗ thao lao (45 x 130 x 180) (TL)		7.500	4.500						x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
341	Tủ đựng hồ sơ gỗ thao lao (45 x 130 x 180) (TL)		7.500	4.500						x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
342	Tủ đựng hồ sơ gỗ thao lao (45 x 130 x 180) (TL)		7.500	4.500						x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
343	Tủ đựng hồ sơ gỗ thao lao (45 x 130 x 180) (TL)		7.500	4.500						x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
344	Tủ đựng hồ sơ gỗ thao lao (45 x 130 x 180) (TL)		7.500	4.500						x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
345	Tủ đựng hồ sơ gỗ thao lao (45 x 130 x 180) (TL)		7.500	4.500						x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
346	Tủ hấp áp lực 75 lít tròn đứng (KS)		22.192				x				Bán					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền							Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác	Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Tổng cộng	Chưa nộp tài khoản tạm giữ			
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác										Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
347	Tù hồ sơ (175 x 45 x 120) (P2)		6.000							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
348	Tù hồ sơ gỗ + kiếng (P1)		7.500	4.500						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
349	Tù hồ sơ gỗ + kiếng (P1)		7.500	4.500						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
350	Tù hồ sơ gỗ + kiếng (P1)		7.500	4.500						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
351	Tù hồ sơ gỗ + kiếng (P1)		7.500	4.500						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
352	Tù hồ sơ gỗ thao lao (175 x 45 x 120) (MP)		5.860							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
353	Tù hồ sơ gỗ thao lao (175 x 45 x 120) (MP)		5.860							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
354	Tù hồ sơ gỗ thao lao (175 x 45 x 120) (MP)		5.860							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
355	Tù hồ sơ gỗ thao lao (175 x 45 x 120) (MP)		5.860							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
356	Tù hồ sơ gỗ thao lao (175 x 45 x 120) (MP)		5.860							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
357	Tù hồ sơ gỗ thao lao (175 x 45 x 120) (MP)		5.860							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
358	Tù hồ sơ gỗ thao lao (175 x 45 x 120) (MP)		5.860							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác						
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
359	Tủ hồ sơ gỗ thao lao (175 x 45 x 120) (MP)		5.800							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
360	Tủ hồ sơ gỗ thao lao (175 x 45 x 120) (P6)		5.800							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
361	Tủ hồ sơ gỗ thao lao (175 x 45 x 120) (P6)		5.800							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
362	Tủ hồ sơ gỗ thao lao (175 x 45 x 120) (P6)		5.800							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
363	Tủ hồ sơ gỗ thao lao (175 x 45 x 120) (P6)		5.800							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
364	Tủ hồ sơ gỗ thao lao (175 x 45 x 120) (P6)		5.800							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
365	Tủ hồ sơ gỗ thao lao (175 x 45 x 120) (P6)		5.800							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
366	Tủ hồ sơ gỗ thao lao (175 x 45 x 120) (P6)		5.800							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
367	Tủ hồ sơ gỗ thao lao (175 x 45 x 120) (P6)		5.800							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
368	Tủ hồ sơ gỗ thao lao (175 x 45 x 120) (P6)		5.800							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
369	Tủ hồ sơ gỗ thao lao sơn đảo sơn PU		5.500							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
370	Tủ hồ sơ kính lùa		5.500							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền							Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác	Tổng cộng		Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ			
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác														
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
371	Tủ hồ sơ kính lửa		5.500							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
372	Tủ hồ sơ thao lao (175 x 45 x 120) (P7)		5.860							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
373	Tủ kiếng chân inox (P1)		6.500	3.900						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
374	Tủ lạnh Aqua		5.880							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
375	Tủ lạnh Aqua (P2)		5.880							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
376	Tủ lạnh Aqua (P7)		5.880							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
377	Tủ lạnh chuyên dụng bảo quản vắc xin VLS200		46.000	8.625			x				Bán						
378	Tủ lạnh Electrolux		7.870							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
379	Tủ lạnh Panasonic		7.447							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
380	Tủ lạnh Panasonic		7.447							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
381	Tủ lạnh Panasonic		5.200							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
382	Tủ lạnh Panasonic (MP)		7.447							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác						
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
383	Tủ lạnh Panasonic (P1)		7.447							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
384	Tủ lạnh Panasonic (P10)		7.447							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
385	Tủ lạnh Panasonic (P2)		7.447							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
386	Tủ lạnh Panasonic (P3)		7.447							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
387	Tủ lạnh Panasonic (P4)		7.447							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
388	Tủ lạnh Panasonic (P5)		7.447							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
389	Tủ lạnh Panasonic (P7)		7.447							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
390	Tủ lạnh Panasonic (P8)		7.447							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
391	Tủ lạnh Panasonic (P9)		7.447							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
392	Tủ lạnh Panasonic (PT)		7.447							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
393	Tủ lạnh Panasonic (TA)		7.447							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					
394	Tủ lạnh Panasonic (TL)		7.447							x	Ghi giám tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền							Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác	Tổng cộng		Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ			
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác														
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
395	Tủ lạnh Panasonic (TMC)		7.447							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
396	Tủ lạnh Panasonic (TS)		7.447							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
397	Tủ lạnh Sanyo		6.200							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
398	Tủ lạnh Sanyo		6.250							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
399	Tủ lạnh Sanyo 150 lít		6.750							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
400	Tủ lạnh Sanyo 150 lít (P6)		6.750							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
401	Tủ lạnh Sanyo 150 lít (PT)		6.750							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
402	Tủ lạnh Sanyo 150 lít (TA)		6.750							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
403	Tủ lạnh Sanyo 180 lít (MP)		6.750							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
404	TỦ LẠNH TOSHIBA (ATVSTP CHUYÊN PHÒNG GIẢM ĐỘC)		5.550							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
405	Tủ nhôm (1.4m*1.6m*0.6m) (DL)		6.050							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						
406	Tủ nhôm (1.4m*1.6m*0.6m) (KBCC-BỘ BỘT)		6.050							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC						

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Giá trị còn lại	Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền					Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Nguồn khác		Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại		Xử lý khác				
		Nguồn ngân sách														
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
407	Tủ nhôm 2 tầng 4 mặt kiếng			6.510							x	Ghi giám tài sản thành CCDC				
408	Tủ nhôm 2 tầng 4 mặt kiếng			6.510							x	Ghi giám tài sản thành CCDC				
409	Tủ nhôm cửa kính lùa (200 x 150 x 40) (P6)			6.000							x	Ghi giám tài sản thành CCDC				
410	Tủ nhôm cửa kính lùa (200 x 150 x 40) (P6)			6.000							x	Ghi giám tài sản thành CCDC				
411	Tủ nhôm cửa kính lùa (200 x 150 x 40) (P6)			6.000							x	Ghi giám tài sản thành CCDC				
412	Tủ nhôm cửa kính lùa (200 x 150 x 40) (P6)			6.000							x	Ghi giám tài sản thành CCDC				
413	Tủ nhôm cửa kính lùa (200 x 150 x 40) (P6)			6.000							x	Ghi giám tài sản thành CCDC				
414	Tủ nhôm cửa kính lùa (200 x 150 x 40) (P6)			6.000							x	Ghi giám tài sản thành CCDC				
415	Tủ nhôm cửa kính lùa (200 x 150 x 40) (P6)			6.000							x	Ghi giám tài sản thành CCDC				
416	Tủ nhôm cửa kính lùa (200 x 150 x 40) (P6)			6.000							x	Ghi giám tài sản thành CCDC				
417	Tủ nhôm cửa kính lùa (200 x 150 x 40) (P6)			6.000							x	Ghi giám tài sản thành CCDC				
418	Tủ nhôm đựng thuốc đông y (200 x 170 x 40) (P6)			9.900							x	Ghi giám tài sản thành CCDC				

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)		Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền							Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú	
		Nguyên giá	Nguyên sách	Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác	Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ			Chưa nộp tài khoản tạm giữ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
419	Tủ sắt đựng hồ sơ (P1)		5.500	3.300						x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
420	Tủ sắt điện cỡ nhỏ (P1)		21.400				x				Bán					
421	Tủ sắt điện cỡ nhỏ (TA)		21.400				x				Bán					
422	Tủ sắt điện cỡ nhỏ (TS)		21.400				x				Bán					
423	Tủ sắt memmert nhỏ 100-800		15.750				x				Bán					
424	Tủ thuốc nam 42 học (MP)		7.130							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
425	Tủ thuốc nam 42 học (P1)		7.130							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
426	Tủ thuốc nam 42 học (P2)		7.130							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
427	Tủ thuốc nam 42 học (P4)		7.130							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
428	Tủ thuốc nam 42 học (P5)		7.130							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
429	Tủ thuốc nam 42 học (P1)		7.130							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
430	Tủ thuốc nam 42 học (TMC)		7.130							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
431	Tủ thuốc nam 42 học (TS)		7.130							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					
432	Tủ thuốc nam 50 học (P7)		7.130							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác						
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
433	Tủ thuốc nam 50 học (P8)		7.130								x	Ghi giám tài sản thành CCDC				
434	Tủ thuốc nam nhiều học (P3)			5.560							x	Ghi giám tài sản thành CCDC				
435	Túi cứu thương (PT) (gồm: Urgo Syval; băng kt 5x200cm; băng kt 15x200cm; băng thun 4MMQ; băng tam giác; gạc tiết trùng; bông hút nước; garo cao su 34x2,8cm; garo cao su 24x2,5cm; kéo; phanh thẳng kt 16cm; phanh cong kt 16cm; găng tiết trùng 1 lần; mặt nạ phòng độc thích hợp; nước muối; cồn 70 độ; thuốc sát trùng Povidine; kim tây; tấm lợpyl nilon không thấm nước; phác đồ cấp cứu; kính bảo vệ mắt; nẹp cổ; nẹp cánh tay; nẹp đùi; nẹp cẳng chân; túi cứu thương)	1.200					x	Ghi giám tài sản thành CCDC								
436	Túi cứu thương (PT) (gồm: Urgo Syval; băng kt 5x200cm; băng kt 15x200cm; băng thun 4MMQ; băng tam giác; gạc tiết trùng; bông hút nước; garo cao su 34x2,8cm; garo cao su 24x2,5cm; kéo; phanh thẳng kt 16cm; phanh cong kt 16cm; găng tiết trùng 1 lần; mặt nạ phòng độc thích hợp; nước muối; cồn 70 độ; thuốc sát trùng Povidine; kim tây; tấm lợpyl nilon không thấm nước; phác đồ cấp cứu; kính bảo vệ mắt; nẹp cổ; nẹp cánh tay; nẹp đùi; nẹp cẳng chân; túi cứu thương)		6.000	1.200						x	Ghi giám tài sản thành CCDC					

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú	
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác	Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ			Chưa nộp tài khoản tạm giữ
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
437	Xe đặt hệ thống nội soi 5 ngân inox		7.560							x	Ghi giảm tài sản thành CCDC					

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)

[Signature]

Nguyễn Thị Ngọc Hương

Ngày 31 tháng 12 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)

